

Số: 18/2024/QĐST-HNGĐ

V, ngày 03 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Anh T, sinh năm 1991; nơi đăng ký HKTT: Thôn Q, xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang;

Bị đơn: Chị Nông Kiều Tr, sinh năm 1994, nơi đăng ký HKTT: Thôn Q, xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 03 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 03 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn anh Bùi Anh T và bị đơn chị Nông Kiều Tr.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Bùi Anh T và chị Nông Kiều Tr thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Có một con chung là cháu Bùi Anh Th, sinh ngày 24/11/2018, khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu Bùi Anh Th cho chị Nông Kiều Tr là người trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Bùi Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/04/2024. Chị Nông Kiều Tr là người nhận tiền cấp dưỡng hàng tháng.

“Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- **Về tài sản, công nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Bùi Anh T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu số 0001027 ngày 07/03/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS H. V;
- UBND Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Phúc